

ĐI TÌM CỘI NGUỒN CỦA NỀN NGOẠI GIAO VIỆT NAM ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ⁽¹⁾

TS. BÙI THỊ THỦY & THS. NGUYỄN THỊ HIỀN (*)

TÓM TẮT

Ngoại giao luôn đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của dân tộc, góp phần khẳng định vị thế của dân tộc trên thế giới. Sự phát triển của ngoại giao không chỉ mang đến những giá trị bên ngoài - thế giới mà còn góp phần phát triển nội lực kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội của quốc gia. Việc thúc đẩy một nền ngoại giao Việt Nam toàn diện, vững mạnh là đòi hỏi tất yếu của đất nước trong thời đại mới: xây dựng nền ngoại giao độc lập, tự chủ là một nhiệm vụ và cũng là động lực để tăng cường vị thế, vai trò của Việt Nam trên trường quốc tế hiện nay. Xác định được cội nguồn của nền ngoại giao độc lập, tự chủ là cơ sở để chúng ta phát huy hơn nữa vai trò, sức mạnh của ngoại giao đối với đất nước trong giai đoạn quan trọng này.

Từ khóa: ngoại giao độc lập tự chủ, đa phương, song phương, sức mạnh dân tộc

Nhận bài: 21/2/2025; đưa vào quy trình biên tập 21/2/2025; duyệt đăng 25/4/2025.

1. MỞ ĐẦU

Những nghiên cứu của các học giả Trần Văn Giàu (“Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam”), Trần Đình Hượu (“Đến hiện đại từ truyền thống”), Phan Ngọc (“Bản sắc văn hóa Việt Nam”), Trần Quốc Vượng (“Văn hóa Việt Nam, tìm tòi và suy ngẫm”); Trần Ngọc Thêm (“Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam”), Đỗ Huy (“Giá trị văn hóa Việt Nam

chuyển từ truyền thống đến hiện đại”), v.v. cho thấy, nhìn một cách tổng quát, ý thức dân tộc Việt Nam là cơ sở trực tiếp để hình thành, phát triển và xây dựng nền ngoại giao độc lập tự chủ. Vậy, để tìm hiểu rõ hơn cơ sở, cội nguồn của nền ngoại giao độc lập, tự chủ chúng ta cần làm rõ các khái niệm ngoại giao độc lập tự chủ và đường lối ngoại giao độc lập tự chủ ở Việt Nam.

2. NỘI DUNG

2.1 Nền ngoại giao Việt Nam độc lập, tự chủ

Trong lịch sử dân tộc Việt Nam, hoạt động ngoại giao không chỉ phục vụ mục đích chính trị, quân sự, đấu tranh giữ vững độc lập, tự chủ của dân tộc, bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ đất nước, bảo toàn thể diện quốc gia, kiến tạo hòa bình, mà còn góp phần mở rộng các mối

quan hệ giao lưu thương mại, tiếp nhận những giá trị tinh hoa văn hóa của nhân loại.

Từ thời xa xưa, Đại Việt đã luôn cử các sứ thần ra ngoài mở rộng quan hệ với Trung Quốc và các quốc gia láng giềng Đông Nam Á khác. Lịch sử ghi nhận ngay từ thời kỳ nhà Đinh, nước Đại Việt đã có tàu, thuyền giao thương, buôn bán hàng hóa với nước ngoài; nhà Tiền Lê đã lập chốt buôn bán với Trung Quốc.

Hàng hóa Đại Việt ra nước ngoài không chỉ bằng con đường buôn bán, mà còn theo hình thức cống nạp trực tiếp của các sứ bộ hoặc các thương nhân cùng tham gia. Các sứ thần Việt là những bậc hiền tài, được vua tuyển chọn và tin dùng. Tiêu biểu như Nguyễn Biểu, Mạc Đĩnh Chi, Lương Thế Vinh, Phùng Khắc Khoan, Lê Quý Đôn, Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích,...

Nền ngoại giao hay đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ được định hình, xây dựng từ rất sớm trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, trở thành sức mạnh của dân tộc ta. Tại Đại hội XI, Đảng ta xác định: “đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh” [1, tr. 235 - 236]. Tiếp đến, Đại hội XII khẳng định: “Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế” [2, tr. 153]. Việt Nam là đất nước độc lập, tự cường, luôn có khát vọng và tầm nhìn phát triển, có đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ và rộng mở. Vì vậy, Việt Nam luôn nhất quán thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa; vừa hợp tác vừa đấu tranh; kiên trì nguyên tắc “dĩ bất biến ứng vạn biến”; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở luật pháp quốc tế.

Trong giai đoạn hiện nay, tình hình thế giới và khu vực đang diễn biến phức tạp, khó lường; các nước lớn có sự điều chỉnh về chiến lược, vừa hợp tác, thỏa hiệp, vừa cạnh tranh, đấu tranh, kiềm chế lẫn nhau. Trên cơ sở đó, Đại hội XIII xác định: “Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa,

đa dạng hóa; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam... Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, giải quyết tốt mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, linh hoạt, hiệu quả, vì lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo đảm độc lập, tự chủ, chủ quyền quốc gia” [3, tr. 117]. Việt Nam phát triển mạng lưới quan hệ quốc tế đa dạng, duy trì cân bằng quan hệ với các nước lớn, “coi trọng phát triển quan hệ hợp tác, hữu nghị, truyền thống với các nước láng giềng;... đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác song phương với các đối tác, đặc biệt là các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện và các đối tác quan trọng khác, tạo thế đan xen lợi ích và tăng độ tin cậy” [3, tr. 162 - 163]. Đồng thời, còn thể hiện ở việc kết hợp chặt chẽ giữa các trụ cột đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, ngoại giao nhân dân và đối ngoại quốc phòng, an ninh dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng và quản lý tập trung của Nhà nước, với trọng tâm là hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời thúc đẩy và nâng cao chất lượng hội nhập quốc tế trong các lĩnh vực văn hóa, xã hội, môi trường, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, du lịch, bằng cách đó đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững hơn. Việt Nam giữ vững chính sách quốc phòng “bốn không”, đứng vững trên cơ sở luật pháp quốc tế, không chọn bên mà chọn chính nghĩa, sự công bằng, công lý và lẽ phải.

Như vậy, nền ngoại giao độc lập, tự chủ của Việt Nam là sự độc lập trong các mối quan hệ với các nước, khu vực, là quyền tự quyết của quốc gia dân tộc đối với những vấn đề liên quan đến lợi ích, chủ quyền quốc gia. Hơn nữa, nền ngoại giao độc lập, tự chủ còn là nền ngoại giao phát huy được hết sức mạnh nội lực của quốc gia đồng thời chủ động trong các quan hệ song phương, đa phương.

2.2 Ý thức dân tộc - cơ sở, cội nguồn cho việc xây dựng nền ngoại giao độc lập, tự chủ ở Việt Nam

Trong bối cảnh mới của tình hình kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội lớn của thế giới và khu vực, đất nước ta đang chuyển mình mạnh mẽ để bước vào Kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Ngoại giao Việt Nam cũng đang từng bước phát huy và khẳng định tính độc lập, tự chủ. Đó là chủ trương, sức mạnh mà nguồn gốc vốn dĩ được bồi đắp qua quá trình dựng nước và giữ nước hàng nghìn năm của dân tộc với những giá trị, truyền thống quý báu.

2.2.1. Chủ nghĩa yêu nước, tinh thần độc lập dân tộc, chống giặc ngoại xâm

Lịch sử hình thành Quốc gia - Dân tộc Việt Nam được truyền thuyết “Con rồng, cháu Tiên” hay “Sự tích trăm trứng” ghi lại. Theo đó, những tổ tiên xa xưa của người Bách Việt đều cùng sinh ra từ một bọc, nên về sau tất cả người Việt từ Bắc đến Nam đều gọi nhau bằng hai tiếng “Đồng bào”. Câu chuyện này tuy mang tính huyền thoại nhưng nhuộm màu lịch sử, đan xen giữa yếu tố thực và hư, nói lên cội nguồn chung của 54 dân tộc. Trong quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước, truyền thống yêu nước, tinh thần độc lập dân tộc, các cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm không ngừng nghỉ trong suốt chiều dài lịch sử của nhân dân ta là bản anh hùng ca xuyên suốt mọi thời đại. Thực tiễn lịch sử đó chứng minh luận điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước” [9, tr. 171].

Lòng yêu nước của nhân dân Việt Nam bắt nguồn từ tình yêu thương người với người, đoàn kết trong lao động, chống thiên tai, lũ lụt, chống giặc ngoại xâm. Từ khi hình thành nhà nước Văn Lang - Âu Lạc, lòng yêu nước đã trở thành truyền thống quý báu. Truyền thuyết Lạc Long Quân và Âu Cơ phản ánh

cội nguồn dân tộc Việt, nhắc nhở các thế hệ phải giữ gìn giá trị cha ông để lại. Chuyện “Thánh Gióng” phản ánh truyền thống đấu tranh anh hùng, bất khuất chống giặc ngoại xâm. Trong suốt hơn 1000 năm Bắc thuộc, nhiều anh hùng đứng lên lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa giành nền độc lập tự chủ như: Hai Bà Trưng, Triệu Thị Trinh, Lý Nam Đế, Mai Hắc Đế, Phùng Hưng và Khúc Thừa Dụ. Ngô Quyền với chiến thắng Bạch Đằng năm 938, đã kết thúc ngàn năm Bắc thuộc, khôi phục nền độc lập, tự chủ nước nhà.

Tư tưởng yêu nước truyền thống là sợi chỉ đỏ xuyên suốt tiến trình lịch sử, thể hiện điển hình ở bài thơ “Nam Quốc sơn hà” do Lý Thường Kiệt làm trên sông Như Nguyệt, tiếp đó là “Hịch tướng sĩ” của Trần Quốc Tuấn, bản hùng ca “Bình ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi, đến “Hịch xuất quân” của Quang Trung - Nguyễn Huệ. Đỉnh cao cuộc đấu tranh giành quyền tự chủ là cách mạng tháng tám với “Tuyên ngôn độc lập” do Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc tại Quảng Trường Ba Đình ngày 2/9/1945. Tiếp đó, nhân dân ta đã anh dũng đứng lên chống sự can thiệp của đế quốc Mỹ, đánh tan nguy quân, nguy quyền, giành quyền độc lập, tự chủ dân tộc, thu giang sơn về một mối vào mùa xuân 1975. Sau chiến tranh, tình hình biên giới phía Nam, phía Bắc và biển Đông có nhiều diễn biến phức tạp, quân đội và nhân dân ta vừa đấu tranh vừa đàm phán hòa bình, thương lượng quốc tế để giữ gìn bờ cõi, biên cương. Khắc họa giá trị cốt lõi của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, Ngô Đức Thịnh viết: “Một nội dung quan trọng của chủ nghĩa yêu nước là ý thức về toàn vẹn lãnh thổ, về lịch sử, văn hóa, độc lập, tự chủ của dân tộc” [13, tr. 73].

Bước sang đầu thế kỷ XXI, tình hình quốc tế thay đổi, nhưng Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta vẫn vững tin vào mục đích, lý tưởng và con đường đã chọn với phương châm “Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh,

hạnh phúc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hóa, con người Việt Nam, bồi dưỡng sức dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực... tạo động lực phát triển bền vững” [3, tr. 116]. Hiện nay, khi toàn cầu hóa đã trở thành hiện thực, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam ngoài những giá trị truyền thống, cần phải tiếp thu những nội dung hiện đại: “Các giá trị của chủ nghĩa yêu nước mới trong văn hóa Việt Nam là sự kết tinh bản sắc dân tộc với các giá trị tinh thần của loài người. Tính dân tộc của văn hóa mới phản ánh, kết tinh các giá trị trong cuộc đấu tranh vì độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội... hòa nhập vào các giá trị chung của thời đại” [6, tr. 274]. Chủ nghĩa yêu nước, tinh thần độc lập dân tộc, chống giặc ngoại xâm của nhân dân Việt Nam là cơ sở lý luận và điều kiện thực tế thúc đẩy tiến trình ngoại giao độc lập, tự chủ của đất nước vì mục đích thêm bạn, bớt thù, chung sống hòa bình. Một ví dụ điển hình là Hiệp Định Geneve chỉ có thể kết thúc khi đối phương nghe tin quân đội và nhân dân ta đã giành chiến thắng vang dội ở Điện Biên Phủ vào chiều ngày 7/5/1954. Đối với Hội Nghị Paris cũng có một cái kết tương tự, sau khi không quân Mỹ thất bại thảm hại trên bầu trời Hà Nội (trong trận Điện Biên Phủ trên không) thì việc ký kết Hiệp định bốn bên mới trở nên nhanh chóng. Đây chính là “một phương thức phối hợp rất đặc sắc giữa quân sự và ngoại giao, quân sự và ngoại giao quyện chặt vào nhau” [5, tr. 283].

2.2.2. Lòng Khoan dung, tính cởi mở, rộng lượng trong đối nhân xử thế

Thuật ngữ “khoan dung” có nguồn gốc từ tiếng latin “Tolerantia” với nghĩa chấp nhận, dung nạp và tha thứ. Ở phương Tây, khoan dung được sử dụng với nghĩa chung là sự chịu đựng, tha thứ. Còn ở phương Đông, khoan dung với nghĩa “khoan” là khoan thứ, khoan hồng, rộng lượng; “dung” là bao dung, chấp nhận quan niệm sống và lối sống khác biệt. Trong “Văn kiện cơ bản của UNESCO về khoan dung” có ý chỉ rõ các đặc điểm, vai trò của khoan dung. Theo đó, khoan dung là hòa hợp trong sự khác

biệt; là nhân tố góp phần thay thế nguy cơ chiến tranh bằng văn hóa hòa bình, nhưng không phải là nhượng bộ, hạ cố, chiều theo ý của người khác, mà trước hết là một thái độ ứng xử tích cực xuất phát từ thừa nhận các quyền phổ quát của người khác, dân tộc khác vì mục đích chung sống hòa bình. Nhà nghiên cứu văn hóa Phan Ngọc cho rằng, “khi ra đời, con người đã bị quy định về chủng tộc, đất nước, và tâm thức. Phải nhận thức tính chất bị quy định này, để thừa nhận tính chất bị quy định của người khác mà cùng sống trong sự khoan hòa” [12, tr. 210]. Theo quan niệm này, sự khác biệt về văn hóa, chính kiến, lối sống là không thể tránh giữa các dân tộc, do vậy cần phải khách quan thừa nhận, để có thái độ chấp nhận sự khác biệt, hướng tới mục đích gìn giữ hòa bình.

Tính khoan dung, rộng lượng của người Việt hình thành trên cơ sở tiếp thu tinh thần “Tam giáo đồng nguyên”. Về bản chất, Nho giáo là học thuyết về chính trị đạo đức xã hội, tạo nên khuôn vàng thước ngọc trong đối nhân xử thế với các phạm trù cơ bản như “Nhân, Lễ, Nghĩa, Trí, Tín”. Trong Nho giáo, suy nghĩ và hành động của con người bị chi phối bởi những chuẩn mực luân thường, đạo lý, bởi các quan hệ xã hội chặt chẽ: quân - thần. Phật giáo là học thuyết về sự giải thoát, khuyên nhủ con người hãy tha thứ và nhẫn nhục chịu đựng để cùng chung sống trong viễn cảnh hòa bình. Lão giáo là học thuyết đề cao tinh thần tự do, tự tại, sống thanh thản, ung dung không bị ràng buộc bởi tha nhân. Do sống trong một bối cảnh đa sắc màu tôn giáo như vậy mà: “đức tính khoan dung, khoan hòa được coi là một căn tính cơ bản, nổi trội của người Việt ... Người Việt có phương thế sống dung hợp, tức là bất cứ lý thuyết, tôn giáo nào nếu giúp con người thoả mãn nhu cầu tâm linh, tri thức và đạt được mục đích sinh tồn, phát triển, thì đều được chấp nhận cả. Khi đã Việt hoá những yếu tố ngoại lai, người Việt coi đó là những mẫu mực, bản sắc của dân tộc mình” [4, tr. 45]. Bản sắc đó là sự kết tinh cả quá trình lịch sử lâu dài, đúng như nhà nghiên cứu lịch sử Trần Quốc Vương nhận xét: “Triết lý cuộc sống của tổ tiên người Việt đã tạo dựng từ thế kỷ X là

khoan hòa - khoan nhượng - khoan dung” [16, tr. 979]. Một triết lý sống như vậy của dân tộc không vì mục đích nào khác ngoài hướng tới lên án chiến tranh, bảo vệ hòa bình.

Từ truyền thống của lịch sử cho thấy, tư tưởng về khoan dung, đoàn kết là một trong những yếu tố quan trọng để hình thành nên hệ giá trị quốc gia, là nhân tố gắn kết sức mạnh của dân tộc mà khiến cho kẻ thù của chúng ta phải nể phục. Vì vậy, các phẩm giá của lòng khoan dung và tinh thần đoàn kết sẽ làm điểm tựa cho hiện tại và bệ phóng của đất nước vào tương lai trong bối cảnh hội nhập, toàn cầu hóa; Đồng thời cũng là minh chứng cho cuộc hành trình lịch sử “đến hiện đại từ truyền thống” [7, tr. 3] - chứng minh sức mạnh mềm của dân tộc được sự kế thừa biện chứng trong dòng chảy tư tưởng của lớp lớp thế hệ người Việt Nam. Do đó, giáo dục cho các thế hệ mai sau tình yêu thương, sự bao dung, đoàn kết, đùm bọc, chia sẻ lẫn nhau vượt qua những khó khăn, thách thức là một sự cần thiết trong quan hệ quốc tế của Việt Nam hiện nay. Với tình hình trong nước và thế giới đang biến đổi phức tạp, đặc biệt trong lĩnh vực đời sống văn hóa tinh thần, nhiều giá trị truyền thống đang bị lớp trẻ xem nhẹ hay lãng quên để chạy theo các “trào lưu” hiện đại, nhưng tư tưởng khoan dung của dân tộc không hề bị mai một mà vẫn tỏa sáng, chứng minh sự chuyển hóa trạng thái tinh thần thành sức mạnh vật chất để kiến tạo xã hội hiện đại.

Bên cạnh chủ nghĩa yêu nước, tinh thần độc lập dân tộc, chống giặc ngoại xâm, lòng khoan dung, đức tính cởi mở, rộng lượng trong đối nhân xử thế cũng là một trong những cơ sở lý luận, điều kiện thực tiễn để Đảng và nhà nước ta xây dựng nền ngoại giao độc lập tự chủ hiện nay. Đặc biệt, trong quan hệ với những quốc gia đã từng xâm chiếm thuộc địa, thực hiện chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh hoặc vi phạm chủ quyền biên giới và biển đảo của dân tộc ta như Pháp, Mỹ, Trung Quốc. Với phương châm thêm bạn bớt thù, “môi hở răng lạnh”, Việt Nam đã bỏ qua quá khứ, hướng tới tương lai để góp phần kiến tạo một thế giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển.

Về phương diện lý luận, lòng khoan dung, rộng lượng trong truyền thống dân tộc Việt Nam đã được kết tinh trong tư tưởng của Nguyễn Trãi và Hồ Chí Minh, làm cơ sở lý luận, để từ đó Đảng và Nhà nước Việt Nam kế thừa, kết nối.

2.2.3. Tinh thần đoàn kết dân tộc, tính cố kết cộng đồng và yêu chuộng hòa bình, lên án chiến tranh

Lịch sử khai thiên lập quốc đã thể hiện tinh thần khoan dung, đoàn kết của dân tộc Việt Nam. Cuộc đấu tranh gian khổ chinh phục thiên nhiên, tạo nên nền văn minh lúa nước sông Hồng đã thúc đẩy 15 bộ lạc Âu Việt và Lạc Việt hợp nhất lại thành nước Văn Lang mà không trải qua những cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn như ở nhiều nơi khác trên thế giới.

Truyền thống đoàn kết của dân tộc Việt Nam xuất phát từ cơ sở thực tiễn là nền sản xuất nông nghiệp lúa nước và đấu tranh chống giặc ngoại xâm bảo vệ đất nước. Do cuộc sống lao động nông nghiệp trồng lúa nước gian lao, vất vả, nhân dân ta thường xuyên phải đấu tranh chống thiên tai như hạn hán, lũ lụt. Điều đó đòi hỏi mọi người dân phải chung lưng đấu cật, gắn bó với nhau trong lao động sản xuất, đào mương dẫn nước, đắp đê chống lũ lụt bảo vệ sản xuất, bảo vệ xóm làng. Hoạt động đó diễn ra hết năm này đến năm khác, đời này đến đời khác. Câu chuyện “Sơn Tinh và Thủy Tinh” truyền miệng từ xưa đến nay thực chất đã phản ánh sức mạnh đoàn kết của người Việt đắp đê chống lũ. Khắc họa tinh thần đoàn kết của Người Việt xuất phát từ việc nhận thức môi trường sống, Trần Ngọc Thêm cho rằng, “Quốc gia đối với người Việt Nam nông nghiệp không có gì xa lạ - đó là Đất Nước. Đất để người dân cấy trồng và Nước nuôi cây lá;... Nước là đơn vị thứ hai sau Làng. Do vậy mới có câu “Từ Làng đến Nước” [14, tr. 200]. Triết lý sống “bán anh em xa, mua láng giềng gần” cũng là một nét đẹp trong truyền thống người Việt, tạo thành chất keo gắn chặt cộng đồng trong lối sống tụ cư thành từng làng bản, đặc biệt là ở những vùng núi, vùng sâu, vùng xa. Triết lý này được

mở rộng, nhân lên ở tầm quốc gia, quốc tế, do vậy, người Việt rất tôn trọng lân bang, coi đó như những “người hàng xóm lớn” thân thiết, cần phải bảo vệ như bảo vệ chính mình.

Trong đấu tranh chống ngoại xâm, nhân dân đoàn kết thực hiện “bách tính giai bình” (trăm họ đều là bình), đặt lợi ích dân tộc lên hàng đầu, chống xâm lược để bảo vệ non sông đất nước. Chính tinh thần đoàn kết đánh giặc đó đã tạo nên những chiến công hiển hách, trở thành truyền thống của dân tộc Việt Nam: “Bầu ơi thương lấy bí cùng/Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”. “Nhiều điều phủ lấy giá gương/ Người trong một nước thì thương nhau cùng”. “Khôn ngoan đối đáp người ngoài/ Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau” [8, tr. 70].

Ý thức về một nhà nước có chủ quyền, luôn được người dân đề cao và lựa chọn vì đó là phương thức tốt nhất mang lại sức mạnh, để thực thi chủ quyền quốc gia. Chính vì lý do đó mà chúng ta đã tạo ra mẫu số chung của một nền văn hoá thống nhất trong đa dạng, một ý thức chung về vận mạng dân tộc. Nội dung cốt lõi tạo nên ý thức của một dân tộc cho phép cộng đồng các dân tộc tạo niềm tin, tình cảm và nhận thức về vai trò và ý nghĩa của quốc gia độc lập, thống nhất. Bởi vậy mà “trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới không có gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân” [10, tr. 453]. Tinh thần đoàn kết dân tộc là cội nguồn kiến tạo đoàn kết quốc tế. Một ví dụ điển hình là vào những thập kỷ 60 của thế kỷ XX, “trong hoàn cảnh nảy sinh sự bất đồng giữa Liên Xô và Trung Quốc, Việt Nam kiên trì giữ vững đường lối đoàn kết với Liên Xô, đoàn kết với Trung Quốc, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ đường lối đấu tranh giải phóng Miền Nam và sự giúp đỡ về mặt vũ khí, khí tài và hậu cần phục vụ cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước” [11, tr. 204].

Bên cạnh tinh thần đoàn kết dân tộc, tính cố kết cộng đồng, thì yêu chuộng hòa bình, lên án chiến tranh cũng là một trong những nét đặc thù trong ý thức dân tộc Việt Nam. Nét đặc sắc văn hóa dân tộc này được kết tinh trong tư tưởng Nguyễn Trãi. Với tâm hồn cao thượng của một nhân cách lớn làm biểu tượng văn hóa cho cả

một thời đại, Nguyễn Trãi quan niệm hòa bình ấm no, sống trong cảnh yên vui hạnh phúc là tâm lý chung của mọi người dân, là nguyện vọng thiết tha của mọi tầng lớp xã hội. Bởi vì, “đạo trời ưa sống, lòng người ghét loạn”. Trong thư gửi tướng giặc là Vương Thông, Nguyễn Trãi viết: “Đồ binh là thứ hung bạo, đánh nhau là việc nguy hiểm, việc hưng thịnh hay bại vong của một nước, nhân dân sống hay chết đều quan hệ ở điều đó” [15, tr. 152]. Thư gửi tướng Hoàng Phúc ông cũng viết với một ý tưởng và nội dung tương tự: “Bình là bất đắc dĩ mới phải dùng” [15, tr. 162].

Yêu hòa bình, lên án chiến tranh là sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ tư tưởng Hồ Chí Minh, nét chủ đạo quy định phong cách ngoại giao của người. Trong trả lời phỏng vấn Thông tấn Xã Nam Dương Antara, người nhấn mạnh, thế giới có thể hòa bình được nếu các nước, đặc biệt là các nước lớn giải quyết xung đột thay bằng dùng vũ lực thì có thể sử dụng thương lượng như một biện pháp hữu hiệu để giảm thiểu chiến tranh; và nếu nhân dân thế giới không chịu để bọn gây chiến tranh “lừa phỉnh”. Quan điểm này đến nay vẫn còn tính thời sự, khi tình hình quốc tế trở nên phức tạp với những diễn biến khó lường giữa các khối quân sự, giữa các cường quốc, tạo nên những điểm xung đột nóng Nga và Ucraina, giữa Israel và Palestine,... Đặc biệt, trong thời gian gần đây, những cuộc chạy đua của Mỹ và Trung Quốc trong áp dụng mức thuế, các chính sách nước nhằm đưa Mỹ siêu cường quay trở lại của tổng thống D. Trump trong thời kỳ chính trị của nước Mỹ Trump 2.0 cũng đang dần mở ra một cuộc chiến tranh đầu thương khác, chiến tranh thương mại trên thế giới. Do đó, tinh thần khoan dung, đoàn kết quốc tế càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Với Việt Nam, trong đường lối, chính sách đối ngoại và thực tế, nền ngoại giao Việt Nam luôn đề cao tinh thần khoan dung, đoàn kết quốc tế các nước trong khu vực và trên thế giới.

Những phân tích trên chứng tỏ “tinh thần dân tộc của người Việt Nam cũng là một tình cảm sâu sắc. Nếu như tinh thần yêu nước đóng vai trò tích cực trong việc bảo vệ lãnh

thổ, thì tinh thần dân tộc lại đóng vai trò chủ yếu trong việc bảo vệ dân tộc khỏi bị họa diệt vong” [8, tr. 12]. Xã hội càng phát triển, con người cần xích lại gần nhau, thấu hiểu, cảm thông, chia sẻ, rộng lòng tha thứ cho người khác khi họ phạm sai lầm nhưng biết sửa chữa. Lòng khoan dung, tinh thần đoàn kết sẽ tạo ra sự gắn kết chặt chẽ, thống nhất, thân thiện, yêu thương nhau, “thêm bạn, bớt thù”, góp thêm sức mạnh hướng tới những giá trị chân, thiện, mỹ.

Nhân loại đang sống trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa. Khát vọng

to lớn nhất mà loài người đang cố gắng thực hiện là hòa bình, hiểu biết và thông cảm lẫn nhau, chấp nhận sự khác biệt. Để biến khát vọng hòa bình, thịnh vượng thành hiện thực, thì khoan dung, đoàn kết được coi như phương tiện cơ bản giải quyết những xung đột dân tộc, khác biệt chính kiến, đấu tranh ý thức hệ và đa sắc màu tôn giáo. Khoan dung và đoàn kết không chỉ là nguyên tắc sống, mà còn là điều kiện hoà bình, phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội, là thái độ ứng xử, phương thức vận hành xã hội để xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

3. KẾT LUẬN

Những luận giải trên cho thấy, việc nghiên cứu chủ nghĩa yêu nước, lòng khoan dung, tinh thần đoàn kết truyền thống của dân tộc trong điều kiện kinh tế thị trường, toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin hiện nay là hết sức cần thiết, để qua đó tìm ra những giá trị cốt lõi cho Việt Nam trong xây dựng xã hội hài hòa, nhân văn, nhân ái. Đồng thời, qua những nội dung cơ bản này của ý thức dân tộc, Đảng và nhà nước Việt Nam có thể kế thừa, xây dựng nền ngoại giao độc lập tự chủ. Chỉ có như vậy mới có thể phát huy được sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại đưa đất nước Việt Nam bước vào Kỷ nguyên vươn mình cùng dân tộc./

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Bài viết là sản phẩm của đề tài cấp Học viện Ngoại giao: *Phát huy ý thức dân tộc trong xây dựng nền ngoại giao độc lập, tự chủ trong giai đoạn hiện nay*, Chủ nhiệm đề tài: TS. Bùi Thị Thủy

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

- Đảng Cộng sản Việt Nam (2011): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2016): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Đỗ Lan Hiền (2007): “Khoan dung tôn giáo - một triết lý nhân sinh của người Việt”, Tạp chí Triết học, số 11, tr.45.
- Vũ Dương Huân (2022): *Một số vấn đề quan hệ quốc tế chính sách đối ngoại và ngoại giao Việt Nam, tập 4*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội.
- Đỗ Huy (2021): *Giá trị văn hóa Việt Nam chuyển từ truyền thống đến hiện đại*, Nxb. Hồng Đức.
- Trần Đình Hượu (1994): *Đến hiện đại từ truyền thống*, Nxb. Hà Nội.
- Nhiều tác giả (1983): *Về giá trị văn hóa tinh thần Việt Nam*, Nxb. Thông tin lý luận.
- Hồ Chí Minh (1995): *Toàn tập, t.6*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Hồ Chí Minh (1995): *Toàn tập, t.10*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Vũ Dương Ninh (2014): *Lịch sử ngoại giao Việt Nam 1940 - 2010*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Phan Ngọc (1998): *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- Ngô Đức Thịnh (2014): *Giá trị văn hóa Việt Nam: Truyền thống và biến đổi*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Trần Ngọc Thêm (2004): *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Trãi (1976): *Toàn tập*, Nxb. Khoa học xã hội.
- Trần Quốc Vương (2000), *Văn hóa Việt Nam - tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb. Văn hóa dân tộc.